

Đô Lương, ngày 16 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm 5, xã Đ, huyện L, tỉnh N

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Tuấn A, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm 5, xã Đ, huyện L, tỉnh N

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Hoàng Tuấn A

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị H và anh Hoàng Tuấn A thống nhất có 03 con chung: cháu Hoàng Đình B, sinh ngày 19/3/2012; cháu Hoàng Ngọc Ch, sinh ngày 24/10/2013 và cháu Hoàng Anh M, sinh ngày 04/5/2018. Vợ chồng thoả thuận giao cho anh Hoàng Tuấn A nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung cháu Hoàng Đình B, sinh ngày 19/3/2012 và cháu Hoàng Ngọc Ch, sinh ngày 24/10/2013 và giao cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Anh M, sinh ngày 04/5/2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi,

trưởng thành. Chị Trần Thị H và anh Hoàng Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung và các khoản nợ chung : Chị Trần Thị H và anh Hoàng Tuấn A tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS năm 2015, Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Chị Trần Thị H thỏa thuận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003722 ngày 05/ 3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương. Tuyên trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- THADS huyện Đô Lương;
- UBND xã Đông Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Đại

